

Số: 71/2026/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 150/2026/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Thào A H**, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Bản P, xã A, huyện M (nay là xã M), tỉnh Điện Biên.

- *Bị đơn*: Chị **Vàng Thị S**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Thào A H*: Bà Lê Thị D
- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Vàng Thị S*: Bà TRỊNH
Thị Hồng N- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước
tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,
sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân
và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày
23 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vàng Thị S và anh Thào A H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vàng Thị S và anh Thảo A H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung, con riêng:

- *Về con riêng:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về con chung:* Anh Thảo A H và chị Vàng Thị S có 04 người con chung là các cháu: 04 người con chung là cháu Thảo Thị D1, sinh ngày 21/6/2013; cháu Thảo Xuân N1, sinh ngày 24/12/2014; cháu Thảo Tất T, sinh ngày 23/6/2016 và cháu Thảo Phi H1, sinh ngày 22/3/2018. Sau khi ly hôn, anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi các con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ lấy về và nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị S và anh H đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí DSST. Anh H được trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000153 ngày 16/3/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 1 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- **UBND xã Mường Ảng;**
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Châm